

ĐỜI SỐNG TÌNH CẢM TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN CỦA NGƯỜI THÁI Ở THANH HÓA

PHẠM THỊ HẰNG,
TẠ MAI ANH

1. Đặt vấn đề

Thanh Hóa có 6 dân tộc ít người (Mường, Thái, Dao, Hmông, Thổ và Khơ-mú) sinh sống tại các vùng cao hẻo lánh. Trong số các dân tộc ít người ở Thanh Hóa, người Thái chiếm số lượng khá đông, có một nền văn học dân gian phong phú, góp phần tạo nên sự đa dạng cho đất và người xứ Thanh. Từ trước đến nay, đời sống tình cảm trong văn học dân gian của người Thái ở Thanh Hóa chưa từng được đề cập một cách chuyên sâu trong một công trình nghiên cứu cụ thể mà chỉ xuất hiện rải rác ở một vài tư liệu dưới dạng khảo tả, sưu tầm. Trong một số công trình có liên quan như: *Tiếp cận văn hóa bản Thái xứ Thanh* (Vương Anh, 2004); *Văn hóa phi vật thể Thanh Hóa* (Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa, 2005)... chúng tôi cũng chưa thấy nghiên cứu về đời sống tình cảm của người Thái ở Thanh Hóa. Duy chỉ có cuốn *Văn học Thanh Hóa* [Lưu Đức Hạnh (Chủ biên), 1990] đề cập tới vấn đề này nhưng chỉ là mấy câu khẳng định về tình cảm gia đình, tình yêu đồng loại. Còn tình yêu của nam nữ thanh niên Thái có được nhắc tới qua tác phẩm “*Tiền dặn người yêu*”, “*Khun Lù - Nàng Úa*”, “*Nàng Nga - Hai Mối*” nhưng tình yêu đó lớn lao và đẹp đẽ thế nào thì chưa được phân tích cụ thể. Có lẽ khi bàn về văn học dân gian Thanh Hóa, đời sống tình cảm của người Thái chỉ

là một khía cạnh nhỏ và nằm ngoài phạm vi của cuốn sách nên việc các giả không quan tâm về nó cũng là một lẽ đương nhiên.

Để góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn học dân gian người Thái ở Thanh Hóa, năm 2009, thầy trò trường Đại học Hồng Đức đã tiến hành sưu tầm văn học dân gian người Thái tại các huyện miền núi Thanh Hóa. Bài viết của chúng tôi đề cập tới đời sống tình cảm của người Thái nơi đây một cách chuyên sâu trên tất cả các thể loại văn học dân gian của người Thái ở Thanh Hóa đã khảo sát, sưu tầm được và cũng là một phần trong kết quả thực hiện đề tài “*Nghiên cứu về văn học dân gian người Thái ở Thanh Hóa*” của trường Đại học Hồng Đức do TS. Phạm Thị Hằng làm chủ nhiệm.

2. Văn học dân gian

Trong số các tác phẩm văn học dân gian người Thái ở Thanh Hóa đã sưu tầm được có 125 tác phẩm thuộc loại hình tự sự dân gian, trong số đó sử thi chỉ chiếm 1,6%; thần thoại - 8%, truyện cười - 10,4%, ngụ ngôn - 14,4%, truyền thuyết - 25,6% và cổ tích tới 41,6%. Nếu sử thi người Thái ở Thanh Hóa đề cập tới nguồn gốc tộc người, sự sinh thành của vạn vật thì thần thoại người Thái lại đậm nét hoang sơ, thần phác, hồn nhiên của con người thời viễn cổ. Truyền thuyết của người Thái Thanh Hóa

khẳng định niềm tự hào về nguồn gốc tổ tiên, truyền thống đấu tranh giữ đất, giữ ruộng. Trong số tất cả các thể loại tự sự dân gian, cổ tích chiếm tỷ lệ lớn nhất, phản ánh những mâu thuẫn đối kháng trong các bản Thái cùng những mơ ước của người dân Thái lương thiện nghèo khổ về một xã hội công bằng, dân chủ. Ngụ ngôn người Thái Thanh Hóa cũng thể hiện những bài học triết lý, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm đấu tranh, giúp kẻ yếu thắng kẻ mạnh. Truyện cười tuy với số lượng khiêm tốn nhưng có giá trị phản kháng tạo phỉa, là bức thông điệp mà người Thái Thanh Hóa muốn gửi tới cộng đồng. Các thể loại tự sự dân gian của người Thái đã khẳng định bản sắc riêng của người dân vùng sơn cước phía Tây Thanh Hóa giữa dòng chảy chung của tự sự dân gian Việt Nam.

Bên cạnh thể loại tự sự, các thể loại văn vần dân gian được người Thái đặc biệt ưa thích. Ở 301 tác phẩm văn vần dân gian đã sưu tầm được, truyện thơ chỉ có 2,27%; vè - 4,98%; ca dao dân ca - 21,36%, câu đố - 24,21% và tục ngữ tới 47,12%. Những bài hát ru, những khúc ca lao động, những lời cầu nguyện, những câu tục ngữ trí tuệ, những câu đố vui tươi, điệu *khắp* trữ tình tràn đầy tình yêu thương con người và cuộc sống... đều là kết quả của trí tuệ, tình yêu và sự từng trải của bao thế hệ mà thành. Ca dao, tục ngữ, câu đố ghi lại các phong tục, tập quán, đời sống tình cảm và trí tuệ của người Thái xứ Thanh. Truyện thơ người Thái chính là bản nhạc giao hưởng ngợi ca tình yêu nồng thắm - thứ tình cảm muôn đời không rào cản lễ giáo nào có thể dập tắt, giúp người Thái vững tin để tồn tại giữa bao khắc nghiệt của tự nhiên cùng hệ thống cai trị hà khắc của tạo, phỉa.

Văn học dân gian người Thái Thanh Hóa là sản phẩm tinh thần của người dân vùng Tây Bắc xứ Thanh với quá trình phát triển hàng mấy nghìn năm trong lịch sử. Trong suốt chiều dài thời gian, với những không gian lịch sử khác nhau, bằng những thể loại đa dạng, nền văn học ấy đã phản ánh cuộc sống tuy chỉ của một tộc người nhỏ bé nhưng những gì mà nó đem lại rất đáng để tự hào trong đó phải kể tới trái tim nhân hậu và tình yêu mãnh liệt trong đời sống tình cảm - một trong những tính cách rất nổi bật của những người dân nơi này.

3. Tình cảm gia đình

Đối với các dân tộc ít người ở Thanh Hóa, gia đình với mối quan hệ huyết thống có vai trò đặc biệt quan trọng. Đây chính là phản ứng tự nhiên trước nguy cơ bị đồng hoá nhằm bảo tồn nguồn gốc, sự sống của chính mình. Trong văn học dân gian người Thái có rất nhiều câu chuyện xúc động về tình cảm gia đình. “*Thuồng luồng*” kể về một người chị dâu độc ác bày mưu định hãm hại em chồng mà vô tình biến chồng mình thành thuồng luồng. “*Vì thương anh nên người em cứ khóc từ ngày này sang ngày khác, khóc mãi, khóc mãi đến nỗi con mối dưới đất tưởng đất ẩm nên bò lên làm tổ khắp người. Người em trở thành một cột mối và vẫn khóc thương anh suốt năm này qua năm khác*”. Sau này, khi đã làm vợ quan, có hai mặt con, người em vẫn không nói không cười. Thương xót quá khứ của vợ, quan chồng mỗ lợn mang đến bờ sông cúng tế và kêu hồn làm vía cho anh vợ. “*Đến lúc có một con thuồng luồng có vòng bạc ở cổ bơi lên thì người vợ nhận ngay ra anh trai của mình, liền lại ôm lấy thuồng luồng mà khóc*”.

Người anh nói: Anh đã hoá thành thuồng luồng rồi, không thể trở lại kiếp người được nữa, em hãy về sống với chồng đi. Khi nào khát nước, đói ăn thì hãy ra bờ sông kêu anh, anh sẽ cho em uống nước, ăn cá” (“Thuồng luồng”).

“Hai anh em mô cô” kể về chuyện hai đứa bé mồ côi tuổi còn quá nhỏ, vắng mẹ chỉ biết đứng khóc mà vẫn lần đường tìm mẹ khiến người nghe rất xúc động. Chúng trồng hai cây cọ, cây cao là cây đót, cây thấp là cây kê. Đến khi cây ra hoa kết quả, chúng ra điều kiện nếu đưa được lên trời tìm mẹ thì sẽ cho chim ăn quả chín. “Đàn chim đồng ý mang hai anh em lên trời. Lên đến trời nhưng ông Trời lại chưa cho gặp được mẹ và bắt đi chặn trâu cho Trời. Chiều đến, Trời bắt phải nhốt trâu vào chuồng rồi dùng thừng cột trâu lại. Hai anh em nhớ mẹ, lo sợ mình nhỏ sẽ bị trâu dẫm chết, lại đứng khóc”. Nhờ có các con vật giúp đỡ mà hai anh em vượt qua được thử thách của nhà trời. Người bố ở nhà chờ lâu không thấy hai con về, trèo cây đót lên trời tìm vợ, con. Họ gặp nhau, vợ chồng con cái ôm nhau khóc nức nở. Nhưng ông Trời ác độc đã cho ba bố con vào cái trống, dòng dây xuống hạ giới rồi cắt đứt dây. Mỗi liên hệ giữa nhà trời với hạ giới đã vĩnh viễn bị cắt đứt nhưng tình yêu, nỗi nhớ nhưng da diết giữa con người với nhau dù cách xa muôn trùng vẫn bùng cháy mãnh liệt, không sức mạnh nào ngăn cản nổi.

Quan điểm của người Thái trong cách ứng xử gia đình rất rõ ràng. Những người cùng dòng máu phải biết thương yêu nhau, biết sống vì nhau. Đặc biệt, con cái phải hiếu thảo với cha mẹ. Khi sức yếu, người già thường phải trông cậy vào con nhưng họ vẫn

là điểm tựa cho các con bởi chính kho kinh nghiệm sống phong phú của mình. Có lẽ chính vì vậy mà hầu hết các tác phẩm văn học dân gian của người Thái ở Thanh Hóa đều dành một kết thúc có hậu cho các nhân vật thiện. Truyện “Bảy anh em và người cha” đem đến cho chúng ta bài học về đạo làm con. Người em út thương cha, không nỡ bỏ cha trong rừng như sáu người anh. Sức trẻ của người con cùng kinh nghiệm sống của người cha giúp cha con họ không chỉ vượt qua khốn khó mà còn có thể trở nên giàu sang, sung sướng còn sáu người con bạc đãi cha cuối cùng đã bỏ mạng ở các ngã rừng. Đó chính là bài học về tình mẫu tử - bài học đầu đời trước khi bước vào tiếp cận với các mối quan hệ rộng lớn hơn trong xã hội. Trong mối quan hệ cộng đồng đó, tình cảm ruột thịt luôn được đặt lên vị trí hàng đầu. Người Thái thể hiện sự kiên định trong lựa chọn tình cảm ruột thịt:

Anh em chung cha như con ong chung tổ,
Anh em chung mẹ như thuồng chung cán.
(Noọng pí hó pỏ xu tổ phúng hó hăng
Noọng pí hó mẹ nhọng xiém hó cán).

Người Thái cũng thường khuyên con cháu phải biết thương yêu, đùm bọc, tôn trọng nhau “của em gái đừng xáo trộn, áo em rể đừng cầm”, hoặc “em dâu phải kính trọng anh chồng, em rể phải kính trọng chị dâu”. Họ khuyên con cái phải tiếp đón họ hàng chu đáo khi khách đến nhà, không được hành xử thất lễ với người thân:

Đừng đuổi chó khi có anh em đến nhà,
Đừng chửi mắng con khi có chú bác đến thăm.

(Nha láy má chơ mi noọng pí ma hươn
Nha chười lúc pá lung ma giám).

Bởi lẽ người Thái Thanh Hóa quan niệm “Trâu béo nhờ cỏ, con mồ côi ở với chú bác” (*Khoai pi sập nhá, lúuc cãm pạ dú nắm áo ung*). Tình cảm đó mộc mạc, đơn sơ mà ấm áp như cái cây, cái củ trên nương, trên rẫy mà họ lượm hái, chăm bón mỗi ngày:

Thương nhau như củ gừng, củ riềng
Thương nhau như bàn chân, bàn tay.
(*Ý đủ cãn nhọng póm khinh pom kha
Ý đủ cãn nhọng pha tin pha mur*).

Người Thái còn có cách so sánh rất thú vị “nghe lời vịt, mắt tring, nghe lời gà mắt vườn, nghe lời xiêm nịnh mắt họ hàng anh em”:

Chồng thương vợ, gia đình hạnh phúc,
Tạo thương dân, mừng bản yên vui.
(*Phua đu nra cua hươn đi muốn,
Pua í đu, dân bản mương chắng muốn*).

Đối với người Thái, tiền bạc không thể thay được tình cảm gia đình, bởi:

“Mười tiền không thành chú bác,
Hai mươi tiền cũng không thành anh em”.
(*Xíp chiên bó pín ao lung,
Xao chiên có bó pín ái noọng*).

Có thể thấy, văn học dân gian người Thái không chỉ nói lên kinh nghiệm được đúc kết trong lao động sản xuất mà còn là bài học quý về tình cảm gắn bó giữa con người với con người. Truyền thống hiếu khách, tôn trọng tình cảm ruột thịt, mối quan hệ thân tộc lộ rõ trong cách đối nhân xử thế đã khiến người Thái trở thành tộc người mang tính nhân văn cao và để lại dấu ấn đặc sắc trong văn học dân gian Việt Nam.

4. Tình yêu lứa đôi của nam nữ thanh niên

Người Thái vốn có trái tim nhân hậu và một tình yêu say đắm. Điều đó thể hiện rất rõ trong *khắp* của họ. Nghe *khắp* giao duyên, cảm giác bồi hồi, xao xuyến cứ trào dâng bởi chính giai điệu mượt mà, da diết của nó. Ca dao Thái phong phú, đa dạng và đó chính là nguồn tư liệu quý giá cho các buổi *khắp* giao duyên. Tiếng hát về tình yêu lứa đôi của người Thái chính là tiếng lòng sâu lắng, là tình cảm thiết tha của tuổi đang yêu. Những vui, buồn, hờn giận, những nhung nhớ, đắm say, tất thảy đều phong phú, sôi động trong *khắp* Thái. Hãy lắng nghe lời yêu thương họ dành cho nhau để cảm nhận niềm vui, sự ân cần và lòng quyết tâm của họ trong ánh mắt, lời ca trên con đường đến với tình yêu - con đường thênh thang không rào cản:

Anh đi từ nhà đến đây,
Phải đi qua chín đèo, trèo qua chín suối.
Chân phải anh nhắc qua chín rễ cây,
Chân trái anh bước qua chín bờ ruộng.
Phải dừng chân chín nơi, phải ngồi
chơi chín chỗ,
Qua chín con suối mới gặp được em yêu!
(*Ái páy cá hươn hoọt ni
Phái páy cái cầu pu, pín cái cầu huổi.
Tin khóa ái nho cái cầu hạc mạy,
Tín sại ái nho cái cầu khăn na.
Phai xưng ma cầu tý, phai năng ỉn
cầu miếng,
Cái cầu mè huổi chằng chuốp nọng yếu!*).

Đó chính là nhiệt huyết của tuổi đang yêu. Dường như sự xa cách, những gian nan vất vả không đủ sức ngăn cản bước chân của

họ trên con đường đến với tình yêu. Có lẽ họ sinh ra là để cho nhau, “đôi ta vừa biết yêu, đã yêu nhau như đũa có đôi” (*Đôi hau hiếng hu yếu, yếu đủ căn nhọng củ thù*). Tình yêu của họ gắn bó với núi rừng, gần gũi mộc mạc như cái cây, ngọn cỏ họ nhìn thấy hàng ngày:

Đôi ta yêu nhau như mạng nhện chăng
cửa sổ,

Như trong rừng muôn thân cây sát nhau.

(*Xóng hau hiếng hu yếu căn nhọng
hăng me rềng hu tang,*

Nhọng cuống pá, pá mạy khớ ca).

Cái mộc mạc, chân chất, đầm thắm của người dân miền sơn cước đã tạo nên những môi tình ngọt ngào, đắm say trong văn học dân gian người Thái ở Thanh Hóa. “*Tiến dặn người yêu*” là bản tình ca về tình yêu lứa đôi gây xúc động đối với mọi dân tộc. Sự thủy chung son sắt, trái tim nhân hậu, vị tha đã khiến “*Tiến dặn người yêu*” chiếm được tình cảm của nhiều tộc người và có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng người Thái bất kể ở vùng, miền nào. Chàng trai và cô gái Thái yêu nhau mãnh liệt và dường như không trở ngại nào ngăn được bước chân họ đến với nhau:

Ước gì được yêu nhau như hoa yêu vườn,
Được yêu nhau như chàng Lú yêu
nàng Ủa.

Ước gì đôi ta được ăn xôi cùng chỗ,

Được ăn rêu đá nấu cùng nồi.

(*Giá lơ đáy yêu khấu péc hoa yêu xuấn,*

Đáy yếu khâu péc ai Lú yêu nọng Ủa.

Giá lơ xoóng hau láy lau khấu huóm ép,

Đáy lấu né tau hín céng hỏ mỏ).

Cũng giống như nam nữ thanh niên người Kinh, trai gái Thái cũng gặp biết bao trở ngại trên con đường đến với tình yêu. Chàng trai, cô gái Thái mong ước tới cháy bỏng một ước mong mộc mạc, giản đơn được “*ăn xôi cùng chỗ*”, “*ăn rêu đá cùng nồi*”. Vậy mà trước những rào cản của chế độ hôn nhân phong kiến, những ràng buộc vô cơ của các quan niệm lỗi thời đã đẩy ước mơ bình dị trở thành nỗi khát khao đến tuyệt vọng. Nhưng rồi, chàng trai nghèo không đủ tiền cưới cô gái làm vợ, cô gái bị cha mẹ ép gả cho người khác môn đăng hộ đối hơn. Mặc dù vậy, cô vẫn cố gắng trì hoãn ngày về nhà chồng để đợi chàng trai với một niềm tin mãnh liệt, hy vọng người yêu sớm mang đủ tiền về cưới cô mặc cho cha mẹ, họ hàng thúc ép:

Em vẫn ngồi cạnh thang em đợi,

Em vẫn ngồi đầu cối em mong.

Đợi anh về vò võ ngóng trông,

Dù cạn sức, tàn hơi vẫn đợi.

(*Noọng nhăng nắng sáng đáy noọng thả*

Noọng nhăng nắng sáng hồng noọng cong.

Thá ại mưa nhúng chớ cong ha,

Dúu mét hưng mét heng nhăng thả).

Nghe những câu ca này, chúng tôi bỗng nhớ tới bài thơ “*Đợi*” của thi sĩ người Nga - Ximônốp: “*Đợi anh về em nhé, mưa có rơi dầm dề, ngày có dài lê thê, thì em ơi cứ đợi, đợi anh về nghe em*”. Dường như có một sự liên hệ mật thiết trong đời sống tinh thần của những con người thuộc các thế hệ khác nhau, ở các vùng lãnh thổ khác nhau nhưng họ lại gặp nhau chung một điểm khi đến với tình yêu. Dù ở miền sơn cước xa xôi nhưng tình yêu của cô gái Thái vẫn cháy bỏng một sự thủy chung son sắt đến diệu kỳ:

Mùa hoa bưởi, ngắt hoa bưởi ngồi trông
Mùa hoa vông, ngắt hoa vông ngồi đợi
Mùa hoa mạ, ngắt hoa mạ ngồi chờ.

*(Nham boóc pục, pít boóc pục nắng coong
Nham boóc phái, pít boóc phái nắng thá
Nham boóc mạ, pít boóc mạ nắng thá).*

Không chỉ biết thủy chung, đợi chờ, người con gái Thái còn biết cách nuôi dưỡng niềm tin, biết nuôi hy vọng với một quyết tâm cháy bỏng:

Hoa sắp héo, lấy sương mai em nhúng,
Hoa sắp tàn, lấy nước rượu em ngâm,
Hoa sắp úa, lấy khăn đào em gói.
Gói khăn đào, hai mươi năm không nhạt,
Gói khăn đào, chín đời Tạo vẫn tươi.
*(Hóa khảm hèo, áu mọc chạu noọng chúp.
Hoa khảm huông, đú láu noọng ché
Hoa khảm hiệu, áu khăn đào ma hó
Hò khăn đao, sao pi bó phái
Hò khăn đao, cẩu toi tọc nhăng đi).*

Đây là những khúc hát tôi đã nghe được với niềm xúc động mãnh liệt trong một lần đi sưu tầm văn học dân gian ở bản Toong, xã trung Thượng, huyện Quan Sơn, Thanh Hóa. Mặc dù bài ca đã được các nhà nghiên cứu dân gian ghi chép và xuất bản từ lâu, thậm chí chúng tôi còn được học trong trường phổ thông nhưng khi nghe chính phụ nữ Thái *khấp* trong cái mênh mang, sâu thẳm của núi rừng vẫn gợi lên nỗi xúc động mãnh liệt. Sự kiên trì của cô gái, sự thủy chung, đợi chờ người yêu trước những ràng buộc, rào cản của gia đình, của chế độ đã khiến cô trở thành bức vọng phu hóa đá mãi mãi bất biến trước sự tàn phai của thời gian và mưa nắng. Trong khi đấy người cô yêu ở phương trời xa thẳm sau khi đã cố gắng

kiếm được nhiều tiền đang vội vã trở về hy vọng được cưới cô làm vợ. Chàng trai đang quyết một lòng vượt qua tất cả để đến với người mình yêu:

Dù đường xa trắc trở,
Dù núi ngăn không sòn,
Lòng anh quản ngại chi đường rậm.
Đường rậm cây, anh đem chín nghìn dao đến phát
Đường dài lối, anh vác chín nghìn rìu dẫn thu ngắn lại.
Suối cách ngăn, ghép bè tre anh vượt
Nước cản đường, phát lối khác anh đi.
*(Doong bá tang cáy páy dác,
Doong bá phá ặt báu dán,
Chớ chạ dán lơ tang tụp
Tang tụp cỏ mạy chạ áu cẩu păn mịt ma thàng
Tang dao coong, chạ bách cẩu păn khoán ma khoán hó tín ma,
Huối lịt ặt, toóng pe phéo chạ khám
Nặm lịt tang, thàng coong hác chạ páy).*

Còn gì mạnh mẽ hơn nghị lực và trái tim của người đang yêu bởi chàng trai vững tin rằng ở chốn xa vời kia, có một người con gái xinh đẹp cũng đang kiên nhẫn đợi chờ, hy vọng về anh trong nỗi nhớ mong khắc khoải tới vô cùng. Nhưng hạnh phúc không trọn vẹn, niềm vui đến chưa được bao lâu, tình yêu của họ đã vấp phải ràng buộc của hôn nhân phong kiến và khó khăn bắt đầu xuất hiện. Sự hà khắc của bộ máy phong kiến cùng chính sách cai trị của các *phìà tạo* và hệ thống *mo chang* ở các bản, mừng đã biến cuộc sống của các *cuông, nhóc* trở nên cơ cực, nghèo khổ ngay cả về tinh thần. Những lời ca hận tình đã vang lên khắp các bản mừng. Trong tuyệt vọng, họ vẫn khát

khao có được hạnh phúc trong yêu thương, “lúc tóc ngắn lỗ duyên, hẹn tóc dài ta nên chồng vợ” (*Chơ phúm tín bó mi duyên, thá phúm giao hau pín phua mia*), ước mơ có ngày được neo đậu bến bờ hạnh phúc. Không hạnh phúc ở cuộc đời thực, họ mong ước được bên nhau trong một cuộc đời mơ ở thế giới khác, trong những hình hài khác của tự nhiên. Đó chính là sự hóa thân tạm thời hoặc vĩnh viễn, sự hóa thân để đạt được hạnh phúc - cho dù hạnh phúc đó không phải ở thế giới “*thực*”, thế giới của con người bằng xương bằng thịt, mà chỉ là thế giới “*mơ*”, thế giới của khát vọng. Chính vì vậy, nhiều bài ca thể hiện quyết tâm đến cháy bỏng của những người đang yêu, nguyện sẽ mãi mãi bên nhau:

Mình chết lên trời về ruộng trời đợi sẵn,

Ta sẽ quây mạ trần gian lên cây.

Mình chết làm sông, ta sẽ làm cá,

Mình chết làm núi, ta sẽ làm hang.

Mình chết làm nẹp áo vàng, ta sẽ làm con chỉ thắm

Mình chết làm bồ kết, ta sẽ làm chấu thau...

(Hâu tai khấn phạ mưa na phạ thả khấn

Căn pín hác cả tờ đĩn khốn đấm

Hâu tái pín huổi, căn ết pá

Hâu tái ết puu, căn ết hu

Căn tái ết sửa lướng, căn ết lục ọj thấn

Hâu tai ết bồ kết, căn ết ó suối).

Thật xúc động biết bao, dường như lời ca cất lên trong nghẹn ngào, nước mắt, nghe sao mà chua chát, xót xa. Những khó khăn về địa lý, điều kiện gia cảnh, quan niệm xã hội, hôn nhân phong kiến... đã làm tan vỡ biết bao mối tình nhưng cô gái Thái vẫn không muốn rời xa người mình yêu:

Không thành vợ, cho em làm em gái
Không thành chồng thành vợ, cho em làm em.

Xin cho em cùng ở một gian nhà chẵn trâu, cắt cỏ

Để sớm chiều được phục vụ anh yêu.

(Bo pín mia hớ noọng ết noọng xáo

Bó pín phúa pín mia, hớ noọng ết noọng.

So hớ noọng du hớ hươn liệng khoai, pát nhá

Bay chậu cái đấỵ ết hớ ái yểu).

Không gì cay đắng hơn. Lời hẹn ước hôm nào vẫn còn nguyên sức mạnh để họ vượt qua rào cản đến bên nhau cho dù nước mắt hận tình đã thấm đẫm trong từng câu hát. Người Thái thổ lộ một tình yêu son sắt, thủy chung, họ nguyện cùng nhau mãi mãi như hình với bóng không bao giờ xa cách. Chính sức sống mạnh mẽ và sự chân thật trong tình yêu đã tạo nên những khát vọng cháy bỏng về hạnh phúc lứa đôi của người Thái. Tình yêu của nam nữ thanh niên Thái đắm say, ngọt ngào, đậm thắm, thủy chung như sự gắn bó của những người dân lam lũ miền sơn cước xa xôi với núi rừng xứ Thanh vậy. Đó chính là bản tình ca bất tận về tình yêu cháy bỏng của những con tim biết yêu, đang yêu và luôn khao khát yêu thương.

5. Sự gắn kết mật thiết giữa con người trong bản Thái

Trong văn học dân gian, chúng tôi nhận thấy người Thái ở Thanh Hóa luôn ý thức giữ gìn sự gắn kết mật thiết giữa con người với con người và giữ gìn tình cảm láng giềng sâu nặng. Có lẽ cuộc sống vất vả, gian truân ở vùng sơn cước đã khiến người Thái sống gắn bó, keo sơn bên nhau hơn. Ngay cả khi đang trong cơn giận dữ, nóng nảy bất thường, họ vẫn luôn đủ minh mẫn,

sáng suốt để nhắc nhở nhau ý thức về một điều tưởng giản đơn mà lại rất thiêng liêng:

Chửi nhau đừng chửi nặng,
Mắng nhau đừng mắng đau,
Rồi cũng còn có lúc thương nhau trở lại.
(*Chưởi cắn nha chưởi nắc
Chưởi cắn nha chưởi đấu
Nhặng mi chơ yếu đủ cắn ma lại*).

Tình cảm của người Thái khiến chúng ta thật xúc động. Không chỉ trong ca dao dân ca, tục ngữ Thái Thanh Hóa cũng phản ánh trái tim nhân hậu và tình cảm đầm ấm của người Thái xứ Thanh. Văn học dân gian người Thái ở Thanh Hóa tồn tại, vận động theo cơ chế luật tục, tập quán. Tính cộng đồng của con người làng bản biểu hiện rõ nét trong các sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội, giao lưu tình cảm. Ngay cả khi cầu khẩn thần linh phù hộ độ trì cho mình, người Thái cũng không quên cầu nguyện cho bà con trong bản:

Mọi người trong bản được khỏe mạnh
đừng để ma xấu đến hại

Mọi người được hạnh phúc đừng
lìa nhau...

Cầu cho bản mừng làm ăn khấm khá,
sức khỏe dồi dào

Ma không lành đừng cho đến đậu,
Chủ không muốn, đừng cho đến gần...

Phù hộ cho con mừng dưới nhiều,
cháu mừng dưới nhiều

Họ sống thọ như cột gỗ kiêng, gỗ lái
Vĩnh cửu như đập, như kênh...

(*Mét chủ cun cuóng bản đẫy khoe đi,
nha bạy phí ma ết hại,*

Mét chủ cun cả đẫy cỏi du nha bang khầu

*Giấc hờ bản mừng ết kín pải khấn
khoe đi hơn...*

Phí bó đý nha hớ ma hươn dú

Cháu bóc giấc nha hớ ma khó...

*Khụm khiến hờ lực mừng tờ ế, lan
mường tờ ế*

Khẩu heng hung péc có mạy kiếng mạy lái

Đồng hướng péc phải, péc khấn phải...).

Đó là tình cảm giữa những con người từng chia ngọt sẻ bùi, gắn bó bên nhau trong cuộc mưu sinh với triết lý:

Lừa cháy, cùng nhau dập,

Giặc già đến, cùng nhau diệt.

(*Phay mảy hớ cắn đắp,*

Sắc giá ma, hươn khẩu khả).

Vì thế, họ hiểu rõ ý nghĩa của việc “mất của dễ tìm, mất lòng khó kiếm” (*Xiéo không hín ngãi, xiéo long hía dạc*) nên thường nhắc nhau “của ít thì chia cho đều, đừng để cho người no, người đói” (*Khoong nọi thì păn têu nha, vợ hơ cum im của sếp tọng*). Tinh nghĩa xóm làng đã ăn sâu gắn kết mỗi con người nơi đây khiến người Thái sống rất trọng tình và cũng luôn đúng mực trong đối nhân xử thế. Thật thú vị khi chúng ta cảm nhận được lối nói mộc mạc, giản đơn mà đầy ý nghĩa sâu xa trong cách nói “vợ hàng xóm không được nói là mình, ta” (*Pợ tày bán nha bả, không hâu, không cắn*), “đi rừng đừng thềm củi, về nhà đừng thềm chông, vợ người khác” (*Páy pa nha xép tọng phun, mư hươn nha xép tọng pợ khười không khẩu*):

Thấy vợ người chớ gheo

Thấy nõ người chớ bán.

(*Hín pợ khẩu nha ết co*

Hín ná cháu nha nhìn).

Hoặc:

Thấy lợn béo đừng ước ăn thịt
Thấy vợ người đừng ước nằm chung.
(*Hìn mu pi nha giặc kín chịn*
Hìn pợ khau nha giặc non hờ).

Người Thái Thanh Hóa gắn bó bên nhau “như con trâu không xa bầy, như cây lúa không xa đồng, như cây rừng không xa đồi, xa núi” (*Nhọng mé khoai bo cây của, nhọng có khẩu bó cây na, péc có pu có pá bó cây pá cây pu*). Có lẽ cuộc sống đơn độc giữa thiên nhiên khắc nghiệt đã đưa những con người yếu ớt, bé nhỏ xích lại gần nhau hơn trước sức mạnh dữ dội của thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Người Thái hiểu rõ “có nước mới có ruộng, có ruộng mới có gốc” (*Mi nặm chẳng mi ruộng, mi ruộng chẳng mi cọc*), họ luôn coi trọng mối quan hệ cộng đồng, làng bản và hiểu rõ “dân không thuận, dựng bản không thành” (*dân bó ứng ét kín bá đẫy*) bởi họ đã thấy được sức mạnh của sự đoàn kết cộng đồng:

Mười người đuổi, cày bay
Hai mươi người đuổi, một người roi vục.
(*Xíp cun hoán má bín*
Xoong chục cun hoán, mốt cun tốc hao).

Tình xóm giềng chính là sợi dây thắt chặt mối quan hệ giữa con người với nhau mà ở đó người ta chỉ tìm thấy tiếng nói chung của những người luôn sống hết mình vì nhau, yêu thương, đoàn kết và gắn bó bên nhau. Chính vì vậy, “*nhiều câu tục ngữ Thái đã được xã hội, người đời tiếp nhận như một chân lý, triết lý khoa học để định hướng trong hành động sản xuất và đối nhân xử*

thế, các mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với nhau” (Vương Anh, 2001, tr. 102). Và, cũng chính vì vậy, cái triết lý “*lừa chày, cùng nhau đập, giặc giã đến, cùng nhau diệt*” là thứ triết lý đã được đúc kết từ ngàn đời trong tộc người Thái và nó vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay.

Trong văn học dân gian Thái, trái tim nhân hậu và tình yêu mãnh liệt trong đời sống tâm tư tình cảm của người Thái xứ Thanh được biểu hiện khá đa dạng. Đó là những đôi lứa yêu nhau chết đi sống lại mấy lần vẫn quyết không lỗi hẹn lời thề (“*Hồn Lú, U Piềm*”, “*Tạo Sứ Thuận*”, “*Công chúa đội đèn*”), những cặp vợ chồng thủy chung dù số phận xô đẩy trong hoàn cảnh nào cũng vẫn không nguôi thương nhớ về nhau (“*Ý Bón, Ý Bứ*”, “*Thằng Cạng*”), những tình cảm giữa anh em trai, chị em gái, cô dì, chú bác, sẵn sàng sẻ chia cho nhau đến hạt cơm cuối cùng (“*Quả trừng trời*”, “*Cù ơi...*”), những tình nghĩa láng giềng, chòm bản sâu nặng gắn kết bên nhau từ ngàn đời... Văn học dân gian người Thái ở Thanh Hóa là sản phẩm tinh thần của người bình dân, là linh hồn và sức sống của người Thái, là khát vọng âm no, hạnh phúc của người Thái xứ Thanh. Truyền thống đó chi phối lối nghĩ, lối làm của mọi người trong bản Thái, ăn sâu trong đời sống tinh thần của tộc người này và luôn là ngọn lửa sáng bừng trong mỗi tác phẩm văn học dân gian của họ.

Kết luận

Người Thái sống trọng tình và luôn nhắc nhở con cháu mình về điều đó. Tình

gia quyến, nghĩa láng giềng là sợi dây bền chặt gắn kết họ với nhau giữa chốn núi rừng hoang vu này. Sống nhân hậu, sẵn lòng giúp đỡ người khác, không tham lam, biết tránh xa những thói xấu... đó là bức thông điệp, là bài học cuộc sống về kinh nghiệm ứng xử mà người Thái Thanh Hoá muốn gửi tới cộng đồng. Với 12,39% (trong đó tự sự là 28,8% và 18,4% ở văn vần dân gian), những gì chúng ta vừa trao đổi tuy chưa phải là nhiều nhưng cũng đủ để khẳng định: Văn học dân gian người Thái Thanh Hóa phản ánh trái tim nhân hậu và một tình yêu mãnh liệt trong đời sống tâm tư tình cảm của người Thái xứ Thanh. Đó cũng chính là khát vọng của người Thái, khát vọng được yêu, khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc vẫn luôn là niềm tin cháy bỏng của tộc người này cho dù bất kể ở thời điểm nào trong lịch sử.

Tài liệu tham khảo

1. Vương Anh (2004), *Tiếp cận văn hóa bản Thái xứ Thanh*, Sở Văn hóa thông tin, Thanh Hóa xuất bản.
2. Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2005), *Văn hóa phi vật thể Thanh Hóa*, tập I, Nxb Thanh Hóa.
3. Chu Xuân Diên (2006), *Văn hóa dân gian, mấy vấn đề phương pháp luận nghiên cứu thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt, góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Lưu Đức Hạnh (Chủ biên), Lê Văn Đình, Lê Huy Trâm, Cao Sơn Hải, Vũ Ngọc Khôi (1990), *Văn học Thanh Hóa*, Tài liệu dạy học địa phương, Sở Giáo dục Thanh Hóa xuất bản.



Tượng đài Lê Lợi, tỉnh Thanh Hóa

Ảnh: PV